ĐÈ ÔN TẬP HỌC KÌ 2 MÔN TIẾNG ANH LỚP 2

C. olive

I. Đề thi Tiếng Anh lớp 2 học kì 2 Phonics Smart số 1

I. Choose the odd one out

- 1. A. van B. train
- 2. A. draw B. cup C. read D. walk
- 3. A. zoo B. ten C. twelve D. fifteen
- 4. A. brother B. aunt C. grandma D. family
- 5. A. chair B. bed C. table D. baby

II. Look at the pictures and complete the words



4. _ u _ _ e _

- 5. c _ r r _ t
- 6._0__

D. bus

III. Match

- 1. What are you doing? A. They are under the bed
- 2. What do you like? B. This is my aunt
- 3. Who is this? C. I am singing a song
- 4. Where are the cats? D. I like reading a book

IV. Reorder these words to make sentences

1. a/ nurse/ She's/ ./



| 2. is/ She/ skating/ ./ | |
|-------------------------------------|--|
| 3. shoes/ I/ buy/ want some/ to/ ./ | |
| 4. need/ We/ some/ coats/ ./ | |
| 5. football/ They/ playing/ are/ ./ | |





II. Order the words. Sắp xếp từ đã cho thành câu hoàn chỉnh.

1. my / It's / ice cream. / sister's

2. isn't / a / She / teacher.

3. table. / It's / the / under

4. your / pencil/? / Where's/ case/

5. is / This / my / dad.

III. Read and match.

| 1.2+4 | a. eight |
|----------|-----------|
| 2.5+6 | b. twelve |
| 3.4+8 | c. nine |
| 4.6+3 | d. six |
| 5. 3 + 5 | e. eleven |

IV. Choose the correct answer.

1. Whose..... is it? It's our house.

A. pen



| B. House |
|------------------------------------|
| C. houses |
| 2. Who is this? This isgrandma. |
| A. I |
| B. me |
| C. My |
| 3. My brother young. |
| A. is |
| B. am |
| C. Are |
| 4. What is name? His name is Long. |
| A. he |
| B. his |
| C. Him |
| 5.That's my dadis strong. |
| A. She |
| B. He |
| C. His |



Đề số 3

| 1. Điền từ thích hợp hoàn thành từ dưới đây. a. c_assroom: lớp học |
|--|
| b. sc_ool: trường học |
| c. t_acher: giáo viên |
| d. boo_: sách |
| e. sm_ll: nhỏ |
| f. n_ce: đẹp, tốt |
| gen: cái bút |
| h. w_ter: nước |
| 2. Sắp xếp những từ dưới đây thành câu hoàn chỉnh |
| a. How/ is/ old/ she/ ?/ |
| b. eight/ Nam/ old/ is/ years/ ./ |
| c. down,/ please/ Sit/ ./ |
| d. is/ my/ That/ teacher/ ./ |
| e. class/ 20/ Her/ has/ students/ ./ |
| f. This/ my/ is/ mother/ ./ |



.....

3. Chọn từ khác loại

| 1. a. white | b. brown | c. orange | d. apple | |
|---------------|-----------|-----------|---------------------|--|
| 2. a. color | b. eight | c. four | d. nine | |
| 3. a. banana | b. apple | c. seesaw | d. grape | |
| 4. a. swing | b. seesaw | c. pink | d. hide-and-seek | |
| 5. a. I | b. he | c. She | d. Peter | |
| 6. a. do | b. play | c. say | d. Linda | |
| 7. a. pen | b. book | c. do | d. crayon | |
| 8. a. teacher | b. mom | c. dad | d. son | |
| schoolbird | | | | |

6

Đề số 4

| Bài 1. (3 điểm): Hãy điền một chữ cái thích hợp vào chỗ chấm để tạo thành từ có nghĩa: |
|--|
| 1. schol |
| 2. msic room |
| 3. bg |
| 4. rubb r |
| 5. clss room |
| 6. opn |
| Bài 2. (3 điểm): Sắp xếp lại các câu sau: |
| 1. name/ your/ What/ is? |
| |
| 2. Lan / is / My / name. |
| 3. are / you / How / old? |
| |
| ••• |
| 4. am / I / eight / old / years. |
| 5. is / This / classroom /my. |
| 6 I / May / out / go? |
| 6. I / May / out / go? |
| Bài 3. (2 điểm): Hoàn thành các câu sau |
| 1. Whichyour school? |
| 2. openbook. |
| 3. How you ? |
| 4. This my music room. |



Bài 4. (2 điểm): Viết câu trả lời:

| 1. What is your i | name? | | |
|-------------------|-------|------|------|
| | | | |
| 2. How old are y | ou? | | |
| | | | |



ĐỀ 5



| I. Put the words in the correct order |
|--|
| 1. my/ that/ Is/ car? |
| 2. an/ apple/ got/ you/ Have? |
| 3. three/ 've/ got/ bananas/ I |
| 4. haven't/ got/ I/ biscuits/ any |
| 5. are./ Yes, / they |
| II. Read and complete the sentence. |
| My name is Linda. I live in a house. I live with my mum, my dad and my elder sister, Mary. Upstairs there are three bedrooms. My bedroom is pink. The bathroom is upstairs. The kitchen is downstairs. It is very big. |
| 1. Mary lives in a |
| 2. Her elder sister is |
| 3. There are bedrooms upstairs. |
| 4. Linda's bedroom is |
| 5. The kitchen is very |

III. Circle the correct word

1. two leg/ legs



- 2. four toes/ toe
- 3. one book/ books
- 4. two eye/ eyes
- 5. One noses/ nose

IV. Circle the correct words:

- 1. Where's/ Where are my mom?
- 2. Where's/ Where are my friends?
- 3. Where's/ Where are your elder sisters?
- 4. Where's/ Where are Grandpa?

